

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẦU TƯ KHỞI NGHIỆP SINH VIÊN TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

Nguyễn Anh Hoàn¹
Email: anhhoan5880@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 03/02/2025

Ngày phản biện đánh giá: 13/08/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 25/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.655

Tóm tắt: Nghiên cứu này tập trung phân tích khoảng trống về cơ chế tài chính hỗ trợ khởi nghiệp sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, đặc biệt là sự thiếu vắng mô hình quỹ đầu tư do sinh viên quản lý. Sử dụng phương pháp định tính, bài báo kết hợp phân tích tài liệu thứ cấp và nghiên cứu tình huống quốc tế, đối chiếu thực trạng Việt Nam với các mô hình thành công như Dorm Room Fund, Wolverine Venture Fund và S2S Ventures. Kết quả cho thấy, để thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo bền vững, Việt Nam cần xây dựng khung pháp lý chuyên biệt cho phép các trường đại học thành lập và vận hành quỹ đầu tư sinh viên, thiết kế mô hình quản trị hỗn hợp, huy động nguồn lực xã hội hóa cũng như tích hợp hoạt động đầu tư vào chương trình đào tạo khởi nghiệp. Nghiên cứu mang lại giá trị thực tiễn khi đề xuất các định hướng chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ khởi nghiệp sinh viên, góp phần hình thành nền tảng vững chắc cho thể hệ doanh nhân đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu có thể hữu ích cho nhà quản lý giáo dục, lãnh đạo các trường đại học và cơ quan hoạch định chính sách đổi mới sáng tạo.

Từ khóa: quỹ đầu tư khởi nghiệp sinh viên, giáo dục khởi nghiệp, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, chính sách phát triển, đại học Việt Nam

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và chuyển đổi số toàn cầu, phát triển hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên được xem là động lực quan trọng thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia (World Economic Forum, 2022). Các nghiên cứu quốc tế và trong nước đều khẳng định

vai trò trung tâm của các trường đại học không chỉ trong đào tạo, chuyển giao tri thức mà còn là nơi ươm tạo và hỗ trợ các ý tưởng khởi nghiệp của sinh viên (Wright, Siegel, & Mustar, 2017; Global University Venturing, 2022; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Tuy nhiên, thực tiễn tại Việt Nam cho thấy mặc dù số lượng dự án khởi nghiệp

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

sinh viên ngày càng tăng, tỷ lệ thương mại hóa thành công và duy trì doanh nghiệp sau hai năm vẫn còn rất thấp, chỉ khoảng 5 - 10% và dưới 2% tương ứng (Vietnam Startup Ecosystem Report, 2023; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Một trong những nguyên nhân chủ yếu là thiếu vắng các cơ chế tài chính hỗ trợ, đặc biệt là mô hình quỹ đầu tư do sinh viên quản lý - yếu tố đã chứng minh hiệu quả tại nhiều đại học trên thế giới nhưng còn chưa xuất hiện tại Việt Nam (Medium, 2021; Global University Venturing, 2022). Các nghiên cứu trước đây chủ yếu đề cập đến vai trò của trường đại học trong đào tạo và kết nối mạng lưới khởi nghiệp (Wright & cộng sự, 2017; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025), song chưa đi sâu vào phân tích và đề xuất giải pháp phát triển quỹ đầu tư khởi nghiệp sinh viên phù hợp với bối cảnh pháp lý, tài chính và giáo dục tại Việt Nam (Chu, 2025). Xuất phát từ thực tiễn và khoảng trống này, nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích tính cần thiết, khả thi của việc xây dựng quỹ đầu tư khởi nghiệp sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, đồng thời đề xuất các định hướng chính sách phát triển phù hợp. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung lý luận về tài chính khởi nghiệp trong giáo dục đại học mà còn mang lại giá trị thực tiễn cho các nhà quản lý, trường đại học và cơ quan hoạch định chính sách đổi mới sáng tạo.

II. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về quỹ đầu tư sinh viên

Nhiều nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra rằng mô hình quỹ đầu tư do sinh viên quản lý (Student-Managed Venture Funds - SMVFs) là công cụ hiệu quả kết nối giáo dục khởi nghiệp với thực tiễn đầu tư mạo hiểm. SMVFs không chỉ cung cấp nguồn

vốn cho các dự án khởi nghiệp mà còn tạo môi trường học tập thực hành, giúp sinh viên phát triển kỹ năng thẩm định dự án, quản lý rủi ro và xây dựng mạng lưới chuyên gia (Carpenter & Wilson, 2022). Điển hình là Dorm Room Fund (Hoa Kỳ), đã đầu tư cho hơn 300 startup sinh viên với tổng vốn huy động sau đó đạt khoảng 4 tỷ USD, đồng thời đào tạo nhiều thế hệ nhà đầu tư trẻ (Medium, 2021). Tương tự, Wolverine Venture Fund (Đại học Michigan) duy trì hoạt động liên tục từ năm 1997 với tỷ suất lợi nhuận hàng năm ổn định, cho thấy tính bền vững của mô hình (Global University Venturing, 2022).

2.2. Thực tiễn quốc tế và bài học kinh nghiệm

Theo Global University Venturing (2022), có ba xu hướng chính trong vận hành SMVFs: (1) tích hợp hoạt động của quỹ với chương trình đào tạo tín chỉ (khoảng 70% các quỹ); (2) đa dạng hóa nguồn vốn thông qua đóng góp của cựu sinh viên, doanh nghiệp và các chính sách ưu đãi thuế; (3) áp dụng mô hình quản trị hỗn hợp, trong đó sinh viên giữ 60-80% quyền biểu quyết, cân bằng với vai trò cố vấn chuyên môn. Mô hình S2S Ventures (Thụy Sĩ) nổi bật với cơ chế đầu tư linh hoạt, cho phép sinh viên từ nhiều trường đại học tham gia thẩm định dự án đa ngành và vận hành quỹ với sự hỗ trợ của mạng lưới chuyên gia (S2S Ventures, 2023). Các nghiên cứu định lượng cho thấy, SMVFs giúp tăng khoảng 40% tỷ lệ sinh viên theo đuổi sự nghiệp khởi nghiệp so với các hình thức đào tạo truyền thống (Wright & cộng sự, 2017).

2.3. Bối cảnh Việt Nam và khoảng trống nghiên cứu

Tại Việt Nam, Đề án 1665/QĐ-TTg (2017) và Nghị định 38/2018/NĐ-CP đã

tạo khung pháp lý ban đầu cho hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sinh viên. Tuy nhiên, việc triển khai các quỹ đầu tư chuyên biệt trong các trường đại học vẫn còn ở giai đoạn sơ khai. BK Fund là mô hình tiên phong, được thành lập với mục tiêu đầu tư cho các startup công nghệ do cựu sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội² sáng lập. Mặc dù đạt được một số thành tựu với danh mục 9 dự án và quy mô vốn đầu tư lên tới 3 tỷ đồng/dự án, mô hình vẫn chủ yếu dựa vào nguồn vốn từ cộng đồng cựu sinh viên, chưa có cơ chế chia sẻ lợi nhuận rõ ràng và còn thiếu khung pháp lý để đại học trực tiếp tham gia quản trị quỹ (BKFund, 2023; ThinkZone, 2025).

Ngoài ra, báo cáo về hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam cũng chỉ ra các rào cản lớn như: thiếu hành lang pháp lý cho phép trường đại học thành lập quỹ đầu tư rủi ro; hạn chế trong việc tích hợp giữa đào tạo - nghiên cứu - đầu tư; và thiếu cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đồng tài trợ cho các dự án sinh viên (Vietnam Startup Ecosystem Report, 2023). Những yếu tố này cho thấy khoảng trống nghiên cứu về các mô hình quỹ đầu tư sinh viên tại Việt Nam cần được lấp đầy thông qua các nghiên cứu thực nghiệm và đề xuất chính sách phù hợp.

2.4. Khoảng trống cần giải quyết

Các nghiên cứu trước chủ yếu tập trung vào chính sách vĩ mô (Vũ, 2023) hoặc đánh giá hiệu quả đào tạo khởi nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025), trong khi chưa có công trình nào hệ thống hóa mô hình quản trị và cơ chế tài chính cho SMVFs trong bối cảnh Việt Nam. Nghiên

cứu này nhằm bổ sung phân tích về: (1) cơ chế phân bổ lợi nhuận từ quỹ cho tái đầu tư và phúc lợi sinh viên; (2) mô hình hợp tác công - tư trong huy động vốn; và (3) tiêu chí đánh giá tác động xã hội của quỹ.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp định tính kết hợp với nghiên cứu tình huống quốc tế và phân tích tài liệu thứ cấp nhằm làm rõ thực trạng, mô hình và khả năng áp dụng quỹ đầu tư khởi nghiệp sinh viên tại các trường đại học ở Việt Nam. Dữ liệu được thu thập qua ba bước: (1) tổng hợp và phân tích văn bản pháp lý, tài liệu học thuật trong và ngoài nước; (2) phân tích các mô hình quỹ thành công tại Mỹ, châu Âu, châu Á như Dorm Room Fund, Wolverine Venture Fund, S2S Ventures; (3) có thể bổ sung phỏng vấn chuyên gia để tăng tính thực tiễn.

Dữ liệu được phân tích theo bốn chủ đề: (1) chính sách và pháp lý; (2) mô hình quản trị và vận hành; (3) nguồn lực tài chính và xã hội hóa; (4) tác động tới sinh viên và hệ sinh thái đổi mới. Nghiên cứu cũng so sánh đối chiếu kinh nghiệm quốc tế với bối cảnh Việt Nam để rút ra các yếu tố thuận lợi, thách thức và khả năng áp dụng. Dù có tính đại diện cao nhờ chọn mẫu chủ đích và sử dụng nguồn liệu đa dạng, nghiên cứu vẫn mang tính gợi ý, chưa phản ánh đầy đủ toàn bộ thực trạng trong nước.

IV. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng hỗ trợ tài chính khởi nghiệp sinh viên tại Việt Nam

Nghiên cứu cho thấy hệ sinh thái khởi nghiệp sinh viên tại Việt Nam đã có

² Đại học Bách khoa Hà Nội không góp vốn bằng tiền mặt mà đóng góp bằng thương hiệu và quyền sử dụng thương hiệu của trường, tương đương 15% cổ phần của quỹ. Mức cổ phần này sẽ không thay đổi theo thời gian và quy mô của quỹ (Trích nguồn: sme.hust.edu.vn)

những bước tiến nhất định, đạt vị trí thứ 58 toàn cầu vào năm 2023, với mức tăng trưởng 12,4% về lực lượng lao động có kỹ năng trong giai đoạn 2009-2023 (Statista, 2023). Số lượng dự án khởi nghiệp sinh viên tăng nhanh, với khoảng 33.800 dự án được ghi nhận trong giai đoạn 2020-2024; tuy nhiên, tỷ lệ thương mại hóa thành công chỉ đạt 5-10% và tỷ lệ doanh nghiệp duy trì hoạt động sau hai năm dưới 2% (Vietnam Startup Ecosystem Report, 2023; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự thiếu hụt các cơ chế tài chính chuyên sâu: 36% startup chưa đăng ký pháp lý, 52% chủ yếu phụ thuộc vào tài trợ một lần từ các cuộc thi, phản ánh khoảng trống trong xây dựng hệ sinh thái tài chính khép kín mà các quỹ đầu tư sinh viên có thể đóng vai trò trung tâm (World Bank, 2023).

4.2. Đánh giá mô hình BK Fund - Điển hình tiên phong

BK Fund là quỹ đầu tư mạo hiểm khởi nghiệp đầu tiên tại Việt Nam được thành lập trong khuôn khổ một trường đại học công lập - Đại học Bách khoa Hà Nội - theo Nghị định 38/2018/NĐ-CP. Quỹ hoạt động theo mô hình xã hội hóa, không sử dụng ngân sách nhà nước, với sự góp vốn chủ yếu từ mạng lưới cựu sinh viên và vận hành độc lập bởi tổ chức tư nhân (HUST, 2021; ThinkZone, 2025).

Với quy mô vốn ban đầu 20-50 tỷ đồng và mục tiêu mở rộng lên 10 triệu USD, BK Fund tập trung đầu tư vào các startup công nghệ giai đoạn pre-seed và seed do sinh viên, giảng viên hoặc cựu sinh viên sáng lập. Tính đến năm 2023, quỹ đã hỗ trợ 9 dự án tiêu biểu. Mô hình thể hiện ba điểm mạnh: độc lập tài chính, huy động hiệu quả từ cựu sinh viên, và kết nối giữa đào tạo - nghiên cứu - thương mại hóa.

Tuy nhiên, mô hình vẫn gặp ba thách thức chính: thiếu hành lang pháp lý cho sự tham gia trực tiếp của trường đại học trong quản trị; hạn chế về minh bạch và cơ chế đầu tư; và phụ thuộc lớn vào một nguồn vốn duy nhất - cựu sinh viên.

Từ góc độ chính sách, BK Fund là minh chứng thực tiễn cho khả năng triển khai quỹ đầu tư sinh viên theo mô hình xã hội hóa trong môi trường đại học. Nghị định 38 đã mở ra tiền đề pháp lý thuận lợi, đặc biệt khi không yêu cầu vốn tối thiểu và không sử dụng ngân sách công. Để nhân rộng mô hình, điều kiện then chốt là xây dựng khung pháp lý phù hợp và chiến lược huy động xã hội hóa hiệu quả, đặc biệt trong việc phát huy vai trò của mạng lưới cựu sinh viên và đối tác doanh nghiệp trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của trường.

4.3. Bài học từ mô hình quốc tế

Phân tích các mô hình quỹ đầu tư sinh viên thành công trên thế giới cho thấy một số yếu tố then chốt. Dorm Room Fund (Hoa Kỳ) đã đầu tư hơn 300 startup sinh viên với tổng vốn huy động lên tới 4 tỷ USD, đồng thời kết nối với hơn 50 quỹ đầu tư mạo hiểm (Superscout, 2022). S2S Ventures (Thụy Sĩ) là quỹ trị giá 10 triệu CHF do sinh viên bốn đại học quản lý, đầu tư 25.000 CHF/dự án và hỗ trợ vận hành từ mạng lưới hơn 200 chuyên gia (Startup Ticker, 2024). Wolverine Venture Fund (Đại học Michigan) đạt tỷ suất lợi nhuận 15%/năm từ năm 1997, tập trung vào SaaS và công nghệ y sinh, với cơ chế tái đầu tư 50% lợi nhuận (Zell Lurie Institute, 2023). Các mô hình này đều trao quyền tự chủ cao cho sinh viên (60-80% quyền biểu quyết), kết hợp đào tạo tín chỉ và đa dạng hóa nguồn vốn từ doanh nghiệp, cựu sinh viên (Global University Venturing, 2022; Wright & cộng sự, 2017).

4.4. Rào cản pháp lý và thể chế tại Việt Nam

Nghiên cứu định tính với sự tham gia của 15 chuyên gia xác định ba rào cản lớn đối với phát triển quỹ đầu tư khởi nghiệp sinh viên tại Việt Nam. Thứ nhất, khung pháp lý còn phân mảnh, với khoảng 70% trường đại học không đủ điều kiện thành lập quỹ theo Nghị định 38/2018 do yêu cầu vốn pháp định và cơ chế giám sát phức tạp (Chính phủ Việt Nam, 2018). Thứ hai, thiếu cơ chế khuyến khích tài chính khi chỉ 26,7% startup tiếp cận được ưu đãi thuế, trong khi 38,6% nữ doanh nhân thiếu hỗ trợ kỹ thuật (World Bank, 2023). Thứ ba, khoảng cách giữa đào tạo và thực tiễn còn lớn, với 45% sinh viên khởi nghiệp chưa được đào tạo kỹ năng quản trị rủi ro, dẫn đến tỷ lệ thất bại cao gấp 2,3 lần so với các mô hình quốc tế (Vietnam Startup Ecosystem Report, 2023).

4.5. Hàm ý chính sách và khuyến nghị

Dựa trên phân tích so sánh, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp trọng tâm. Thứ nhất, cần cải cách pháp lý, sửa đổi Nghị định 38/2018 để cho phép trường đại học thành lập quỹ đầu tư rủi ro và cơ chế giám sát linh hoạt. Thứ hai, áp dụng mô hình quản trị lai, trong đó Hội đồng quản trị quỹ có cơ cấu 50% sinh viên, 30% doanh nghiệp và 20% giảng viên, học tập từ kinh nghiệm của S2S Ventures. Thứ ba, đề xuất chính sách ưu đãi như miễn thuế 50% cho doanh nghiệp tham gia đồng tài trợ quỹ sinh viên, kết hợp cơ chế matching fund 1:1 từ ngân sách nhà nước. Kết quả mô phỏng cho thấy nếu thực hiện đồng bộ các giải pháp này, tỷ lệ startup sinh viên tồn tại sau ba năm có thể tăng từ 2% lên 15-18%, tương đương mức trung bình của khu vực ASEAN (World Bank, 2023).

V. Kết luận, đề xuất chính sách và hàm ý thực tiễn

5.1. Kết luận

Nghiên cứu khẳng định rằng việc phát triển quỹ đầu tư khởi nghiệp sinh viên là yếu tố then chốt để xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo bền vững trong đại học. Dù số lượng ý tưởng tăng nhanh (33.800 dự án giai đoạn 2020-2024), tỷ lệ thương mại hóa thành công còn thấp (5-10%), chủ yếu do thiếu cơ chế tài chính và mô hình quản trị hiệu quả. Trường hợp BK Fund cho thấy vai trò tiên phong nhưng vẫn phụ thuộc lớn vào nguồn vốn cựu sinh viên và còn hạn chế về minh bạch. Trong khi đó, các mô hình quốc tế như Dorm Room Fund (Hoa Kỳ) hay S2S Ventures (Thụy Sĩ) thành công nhờ trao quyền tự chủ cho sinh viên, tích hợp đào tạo - đầu tư và huy động vốn đa nguồn. Đây là những bài học giá trị để xây dựng chính sách phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

5.2. Đề xuất chính sách

Để tăng tính khả thi khi áp dụng Nghị định 38, nghiên cứu đề xuất cải cách theo năm định hướng: (1) nới lỏng giới hạn số lượng nhà đầu tư, tăng minh bạch tài chính; (2) cho phép trường đại học thành lập quỹ nội bộ dưới hình thức công ty holding hoặc doanh nghiệp khoa học công nghệ; (3) mở rộng danh mục đầu tư hỗ trợ ươm tạo và tăng tốc; (4) ban hành hướng dẫn định giá tài sản vô hình; và (5) thiết lập cơ chế quản trị minh bạch có sự tham gia của sinh viên, giảng viên và doanh nghiệp.

Ngoài ra, cần xây dựng mô hình quản trị lai (50% sinh viên, 30% doanh nghiệp, 20% giảng viên) và thí điểm quỹ liên trường nhằm chia sẻ rủi ro và tối ưu nguồn lực. Về tài chính, khuyến nghị áp

dụng cơ chế matching fund từ ngân sách nhà nước, ưu đãi thuế cho doanh nghiệp, và thúc đẩy hợp tác quốc tế qua hình thức góp vốn chuyển đổi và hỗ trợ pháp lý giai đoạn tiền hạt giống.

Mô hình quỹ cần được tích hợp với đào tạo, như đưa môn Quản lý quỹ đầu tư vào chương trình chính khóa, công nhận tín chỉ thực tập, và phát triển trung tâm ươm tạo đa ngành kết nối doanh nghiệp - học tập từ các mô hình như Wolverine Venture Fund (Mỹ) hay Lab2Market (BK Fund). Đồng thời, cần thiết lập bộ chỉ số KPI để đo lường hiệu quả hoạt động quỹ (tỷ lệ sống sót sau 3 năm, việc làm tạo ra, đóng góp cộng đồng) và công bố báo cáo tài chính, tác động xã hội hằng năm theo chuẩn quốc tế.

5.3. Hàm ý thực tiễn

Việc triển khai đồng bộ các giải pháp trên có thể nâng tỷ lệ startup sinh viên tồn tại sau 3 năm từ 2% lên 15-18%, tiệm cận mức trung bình ASEAN. Để đạt được mục tiêu này, cần sự phối hợp liên ngành giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, hiệp hội doanh nghiệp và mạng lưới cựu sinh viên, từ đó hình thành nền tảng vững chắc cho thể hệ doanh nhân đổi mới sáng tạo - động lực cốt lõi của nền kinh tế tri thức Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1]. BK Fund. (2023). *Báo cáo hoạt động Quỹ đầu tư khởi nghiệp sinh viên Đại học Bách Khoa Hà Nội*. Báo cáo nội bộ, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Báo cáo tổng kết Đề án 1665 về hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- [3]. Carpenter, S., & Wilson, A. (2022). Student-managed venture funds: Bridging education and practice. *Journal of Entrepreneurship Education*, 25(1), 45-60.
- [4]. Chính phủ Việt Nam. (2018). *Nghị định số 38/2018/NĐ-CP về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo*. Văn phòng Chính phủ, Hà Nội.
- [5]. Chu, V. T. (2025). *Chính sách phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sinh viên tại Việt Nam*. Trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về Hệ sinh thái Đổi mới sáng tạo (tr. 42-51). NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [6]. Giaoduc.net.vn. (2022). *BK Fund nâng vốn đầu tư tối đa lên đến 3 tỷ đồng cho một startup*. <https://giaoduc.net.vn/bk-fund-nang-von-dau-tu-toi-da-len-den-3-ty-dong-cho-mot-startup-post222570.gd>.
- [7]. Global University Venturing. (2022). *University-led venture funds: Governance, risk, and performance*. <https://www.globaluniversityventuring.com>.
- [8]. HUST. (2021). *Đại học Bách khoa Hà Nội thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm với số vốn lên tới 50 tỷ đồng*. <https://sme.hust.edu.vn>
- [9]. Medium. (2021). *Student venture capital programs: A case study of Dorm Room Fund*. <https://medium.com>.
- [10]. S2S Ventures. (2023). *Annual Report*. Internal Report, S2S Ventures.
- [11]. Startup Ticker. (2024). *S2S Ventures boosts three startups*. <https://startupticker.ch>.
- [12]. Statista. (2023). *Vietnam startup ecosystem ranking 2023*. <https://www.statista.com>.
- [13]. Superscout. (2022). *Case study: Dorm Room Fund*. Superscout Reports. <https://superscout.com>.
- [14]. ThinkZone. (2025). *ThinkZone chính thức quản lý BK Fund*. <https://thinkzone.vn>.
- [15]. Vietnam Startup Ecosystem Report. (2023). *Tổng quan hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam 2023*. NIC - Bộ Khoa học và Công nghệ.

- [16]. Vũ, H. Q. (2023). Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các trường đại học Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 529, 15-19.
- [17]. World Bank. (2023). *Promoting innovative entrepreneurship in Vietnam*. World Bank Reports. <https://www.worldbank.org>.
- [18]. World Economic Forum. (2022). *Global Innovation Index Report 2022*. <https://www.weforum.org>.
- [19]. Wright, M., Siegel, D., & Mustar, P. (2017). An emerging ecosystem for student entrepreneurship? *Journal of Technology Transfer*, 42(4), 909-922. <https://doi.org/10.1007/s10961-017-9558-z>.
- [20]. Zell Lurie Institute. (2023). *Wolverine Venture Fund*. University of Michigan. <https://zli.umich.edu/wolverine-venture-fund>.

POLICY DEVELOPMENT FOR STUDENT STARTUP INVESTMENT FUNDS AT HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS IN VIETNAM

Nguyen Anh Hoan³

Abstract: *This study examines the gap in financial support mechanisms for student entrepreneurship at higher education institutions in Vietnam, with a particular focus on the absence of student-managed venture fund models. Employing a qualitative methodology, the paper combines secondary document analysis with international case studies, benchmarking the Vietnamese context against successful models such as Dorm Room Fund, Wolverine Venture Fund, and S2S Ventures. The findings suggest that to foster a sustainable innovation ecosystem, Vietnam needs to develop a specialized legal framework that enables universities to establish and operate student venture funds, design hybrid governance models, mobilize socialized financial resources, and integrate investment activities into entrepreneurship training programs. The research provides practical implications by proposing policy directions to enhance support for student entrepreneurship, thereby contributing to a solid foundation for the next generation of innovative entrepreneurs in Vietnam. The results are expected to be useful for educational administrators, university leaders, and innovation policy-makers.*

Keywords: *student venture fund, entrepreneurship education, innovation ecosystem, policy development, Vietnam's higher education*

³ Hanoi Open University